

Bản án số: 308/2020/HSPT
Ngày 20/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI H

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;
- Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Xuân Hùng;
+ Ông Võ Hồng Sơn.
- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại H.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại H, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 368/2016/HSST ngày 16/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Duy T, sinh năm 1983 tại S; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: Tiểu khu Nhà Nghỉ, thị trấn M, huyện M, tỉnh S; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa phổ thông: 12/12; dân tộc: Mường; con ông Bùi Văn N; con bà Lò Thị P; vợ là Đinh Thị B và có 03 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân của bị cáo: Tại Bản án số 13/HSST ngày 31/3/2009, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh S xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", ra trại ngày 04/6/2014, đã được xóa án tích;

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 thuộc Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đắc L, sinh năm 1970 tại H; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Rạng Đông, phường B, quận H, thành phố H; nơi ở của bị cáo trước khi bị bắt: Hoà Sơn, thị trấn C, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa phổ thông: 12/12; dân tộc: kinh; con ông Nguyễn Đắc N; con bà Vũ Thị M; vợ là Dương Thị Thu T và có 05 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 thuộc Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

3. Đặng Văn T, sinh năm 1987 tại H; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Ninh Sơn, thị trấn C, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa phổ thông: 8/12; con ông Đặng Văn H; con bà Trịnh Thị M; chưa có vợ, con.

Nhân thân của bị cáo:

(1) Tại Bản án số 11/HSST ngày 09/3/2010, Tòa án nhân dân huyện C, thành phố H xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã được xoá án tích;

(2) Tại Bản án số 91/HSST ngày 15/5/2013, Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố H xử phạt bị cáo 38 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã được xoá án tích;

(3) Tại Bản án số 77/HSST ngày 18/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố H xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo chưa chấp hành án;

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 thuộc Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

4. Đặng Văn T, sinh năm 1973; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Bông Ngoại, xã Đ, huyện K, tỉnh H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa phổ thông: 10/12; con ông Đặng Văn T (đã chết); con bà Nguyễn Thị O (đã chết); vợ là Phan Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 thuộc Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

(1) Ông Bùi Văn T là Luật sư của Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư thành phố H bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bị cáo Đặng Văn T và Nguyễn Đắc L; có mặt tại phiên tòa.

(2) Ông Hoàng Ngọc Thanh B là Luật sư của Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư thành phố H, bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bị cáo Bùi Duy T và Đặng Văn T; có mặt tại phiên tòa.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án hình sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 45 phút ngày 05/7/2018 tại bến xe khách S, số 35 Nguyễn Tuân, quận T, thành phố H, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H phát hiện Đặng Văn T đi xe ô tô Kia Morning màu bạc BKS 29A - 367.06 vào bến xe, gặp nhà xe khách Xuân Tráng chạy tuyến S - H để nhận 01 thùng catton, kích thước 25x30x40 (cm), bên ngoài ghi số điện thoại của người nhận là 0987.470.034 đặt lên ghế phụ xe ô tô, kiểm tra thùng catton

bên trong có nhiều quả xoài và 01 túi nilon màu vàng kích thước 5x15x15 (cm) đựng tinh thể màu trắng. Đặng Văn T khai số ma túy “đá” trên Th mua của đối tượng tên T, nhà ở thị trấn M, S với giá 300 triệu đồng/kg và dự định mang đi bán cho đối tượng tên M ở L.

Thu giữ của Đặng Văn T: 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Đặng Văn T, 02 điện thoại Nokia số thuê bao 0987.470.034 và 01699.642.668, 01 xe ô tô BKS 29A – 367.06, 01 giấy kiểm định, 01 đăng kí xe ô tô BKS 29A – 367.06, 01 bảo hiểm bắt buộc; 01 biên lai thu phí đường bộ; 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Văn T tại Thôn Bông Ngoại, xã Đ, huyện K, tỉnh H không thu giữ gì.

Hồi 19 giờ 50 phút ngày 05/7/2018, tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy phối hợp với PA71 và Đội cảnh sát giao thông số 12, Công an thành phố H làm nhiệm vụ tại đường Quốc lộ 6, thuộc huyện C, thành phố H phát hiện Đặng Văn T và Nguyễn Đắc L đi xe máy Honda Future màu trắng đen, Biển kiểm soát 33N4 - 0144 dừng xe cạnh xe ô tô Ford Transit Limousin BKS 26B - 00.601 ở trước cây xăng Tiên Phương, Km 24+200, thuộc Quốc lộ 6, huyện C, thành phố H. Đặng Văn T ngồi sau xe máy, xuống xe liên hệ với lái xe ô tô để nhận 01 thùng hàng đựng hoa quả, Nguyễn Đắc L ngồi trên xe máy đợi. Khi Th1 nhận thùng hàng, đi về phía xe máy thì bị công an kiểm tra, phát hiện bên ngoài thùng hàng có chữ “Chị Thoa” và số điện thoại 0986.243.460, bên trong thùng hàng là một số hoa quả và 01 túi nilon màu đen bên trong có 03 bánh hình chữ nhật, kích thước 02 x10x15 (cm), được bọc bên ngoài bằng nilon màu xanh, ở giữa dán băng dính màu vàng, bên trong chứa chất bột màu trắng. Tại cơ quan điều tra, Th1 và L đều khai số ma túy trong thùng cát tông là mua của đối tượng T ở huyện M, tỉnh S.

Ngoài ra còn thu giữ của Đặng Văn T: 01 điện thoại di động Philips màu đỏ, số thuê bao là: 01669473430, 0968.394.292 và 400.000 đồng. Thu giữ của Nguyễn Đắc L 01 điện thoại Iphone màu trắng, số điện thoại 01883.441.841, 01 điện thoại Philips màu đen, số thuê bao: 0986.243.460 và 01657661075, 01 xe máy Honda Future BKS 33N4 – 0144 và 199.500.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Văn T tại khu Minh Sơn, thị trấn C, huyện C, thành phố H và nơi ở của Nguyễn Đắc L tại khu Hòa Sơn, thị trấn C, huyện C, thành phố H không phát hiện và thu giữ gì.

Căn cứ lời khai của Th, T và Th1 và các tài liệu điều tra khác, ngày 14/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã bắt và khám xét khẩn cấp đối với Bùi Duy T, sinh năm 1983, chỗ ở: Tiểu khu Nhà Nghỉ, thị trấn Nông Trường, huyện M, tỉnh S. Thu giữ của T: 01 túi giả da, có quai đeo màu

đen; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Duy T; 01 điện thoại di động Nokia, màu xanh - xám; 01 điện thoại di động Samsung, màu đen; 01 xe ô tô màu đen, BKS: 29T-5366; 01 đăng ký xe ô tô, 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS 29T-5366 mang tên Phan Xuân K; 01 bảo hiểm bắt buộc, 01 biên lai thu phí đường bộ mang tên Phan Xuân K.

Tại Kết luận giám định số 5965/KLGD - PC54 ngày 13/7/2018, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H kết luận đối với số tang vật thu giữ của Đặng Văn T như sau: Tinh thể màu trắng trong túi nilon là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng: **886,660 gam**.

Tại Kết luận giám định số 5990/KLGD - PC54 ngày 14/7/2018, Phòng kỹ thuật hình sự – Công an thành phố H kết luận đối với số tang vật thu giữ của Nguyễn Đắc L, Đặng Văn T như sau: 03 bánh hình hộp chữ nhật, kích thước mỗi bánh 02x10x15 (cm) đều là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng là **1.082,04 gam**.

Các bị can và những người liên quan khai như sau:

- Đặng Văn T khai:

Th làm nghề lái xe taxi, khoảng đầu năm 2017, T đến H và đi xe taxi của Th, qua nói chuyện Th biết T có nguồn ma túy để bán và cho nhau số điện thoại để liên lạc. Đến cuối tháng 6/2018 có nam giới tên M, nhà ở khu vực chợ Đ, huyện C, L (không rõ địa chỉ cụ thể) sử dụng số điện thoại 01654.718.368 gọi vào số 0987.470.034 của Th hỏi mua 01 kg ma túy “đá”, Th đồng ý bán. Sau đó Th gọi vào số 01685.230.337 của T để đặt mua 01 kg ma túy “đá” với giá 300.000.000 đồng, T đồng ý và yêu cầu Th chuyển tiền đặt cọc trước 45.000.000 đồng. Th gọi điện lại cho M báo giá 01kg ma túy “đá” là 310.000.000 đồng và bảo M đặt cọc 50.000.000 đồng. Ngày 26/6/2018 Th đi xe khách lên chợ Đồng Đăng, thành phố L gặp M lấy 50.000.000 đồng. Sáng ngày 27/6/2018, T nhắn tin cho Th tên và số điện thoại của vợ T để Th chuyển tiền đặt cọc mua ma túy qua dịch vụ chuyển tiền của Viettel. Buổi chiều cùng ngày, Th đi đến bưu cục của Viettel trên phố K, quận H, thành phố H, đọc số điện thoại 01677.567.532 và tên của vợ T là Đinh Thị B, sau đó gửi 45.000.000 đồng cho T bằng dịch vụ chuyển tiền của Viettel, ghi tên người nhận là Bình (vợ T).

Khoảng 13giờ30 ngày 05/7/2018, T gọi cho Th báo gửi 1kg ma túy “đá” giấu trong thùng cát tông chứa quả xoài, bên ngoài ghi số điện thoại 0987.470.034 của Th, khi xe khách về H nhà xe sẽ gọi Th đến nhận. Khoảng 17 giờ 30 phút, Th lái xe ô tô taxi, hãng Bắc Á, BKS: 29A-36706 đến bến xe khách S, số 35 Nguyễn Tuân, phường T, quận T, H nhận ma túy bị bắt quả tang cùng tang vật. Th khai đây là lần đầu tiên mua ma túy “đá” của T để bán cho M.

- Nguyễn Đắc L khai:

Thông qua quan hệ xã hội, cách đó 3 năm L và Th1 quen biết với đối tượng tên Long (không rõ họ tên, địa chỉ), qua sự giới thiệu của Long nên L và Th1 quen biết với T ở M, S. Việc L và Th1 mua bán ma túy với T do sự chỉ đạo của vợ chồng đối tượng tên Long và Hương.

Ngày 02/7/2018, L bảo Th1 đi gặp người nữ giới tên H là vợ của L ở khu vực phố B, thành phố H (không biết địa chỉ cụ thể) để lấy số tiền 400.000.000 đồng mua ma túy, L giữ lại 10.000.000 đồng làm tiền công. Khoảng 20 giờ cùng ngày, L và T đi đến nhà T ở thị trấn Nông Trường, M, S có đặt mua của T 03 bánh heroine, L trả T trước 390.000.000 đồng. Sau đó L và Th1 quay về H. Ngày 05/7/2018, T đã liên lạc với L và bảo gửi 01 thùng catton bên trong đựng hoa quả và 03 bánh heroine bằng đường xe khách xuống cho L nên L đã rủ Th1 đi nhận ma túy và bị bắt giữ quả tang khi Th1 vừa nhận thùng hàng đựng ma túy.

L khai cách thời điểm bị bắt khoảng 01 tuần, L và Th1 đã cùng nhận 01 thùng hàng đựng chanh leo bên trong có chứa ma túy của T gửi, vận chuyển bằng đường xe khách, giao nhận thùng hàng tại thị trấn C, C, sau đó Th1 mang thùng hàng đến giao cho 2 vợ chồng đối tượng Long và Hương ở khu vực phố B, H để nhận tiền công 03 triệu đồng. Nguồn gốc số tiền 199.500.000 đồng thu giữ của L là trưa ngày 05/7/2018, L bảo Th1 đến gặp H ở khu vực phố B để lấy 200.000.000 đồng, đây là số tiền mà vợ chồng L và H đưa cho T để lấy chuyển hàng ma túy tiếp theo của T sau khi chuyển hàng 03 bánh heroine được trót lọt. Th1 đến gặp H lấy được tiền và để trong cốp xe máy BKS 33N4-0144 mang về đưa cho L và được L cho 500.000 đồng tiền công.

- Đặng Văn T khai:

Th1 được L giao nhiệm vụ lấy tiền mua ma túy của vợ chồng L - H về đưa cho L, đi cùng L đến nhà T để giao dịch mua ma túy và nhận ma túy khi T chuyển bằng đường xe khách về H cho L. Khoảng 21 giờ ngày 02/7/2018, Th1 cùng L đi xe ô tô lên nhà T ở thị trấn N, huyện M, S, Th1 biết L cầm tiền chuyển cho T để mua ma túy nhưng không biết cụ thể việc thoả thuận mua bán ma túy giữa L và T như Th1 nào.

Lời khai của Đặng Văn T phù hợp với lời khai của Nguyễn Đắc L về việc 2 lần đi nhận ma túy chuyển đến bằng đường xe khách cùng L tại khu vực thị trấn Chúc Sơn, C, thành phố H. Lần đầu tiên khoảng ngày 30/6/2018, Th1 cùng L nhận 01 thùng hàng cát tông bên trong có các quả chanh leo và ma túy, Th1 không biết số lượng và loại ma túy nào, ngày 01/7/2018, L bảo Th1 cầm thùng hàng đựng ma túy và quả chanh leo đó giao cho Hương ở bệnh viện đa khoa H. Lần thứ hai là khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/7/2018, L rủ Th1 đi cùng ra cây xăng Tiên Phương, huyện C, H lấy thùng hàng hoa quả bên trong đựng ma túy mà T gửi từ M, S bằng đường xe khách về. Khi đến nơi, Th1 đi đến gặp lái xe ô

tô để nhận thùng hàng đựng ma túy, L ngồi trên xe máy đợi. Khi Th1 nhận hàng và đang cầm thùng hàng quay lại xe máy thì bị Công an kiểm tra, bắt giữ.

Th1 khai đã 2 lần đi gặp đối tượng nữ tên Hương nhà ở phố B, thành phố H để lấy tiền mang về cho L. Lần thứ nhất vào ngày 02/7/2018, Th1 đến gặp Hương lấy 400.000.000 đồng và mang về đưa cho L. Lần thứ hai vào buổi trưa ngày 05/7/2018, Th1 đến gặp H ở khu vực phố B, thành phố H để lấy 200.000.000 đồng. Th1 để tiền trong cốp xe máy BKS: 33N4 – 0144 mang về đưa cho L và được L cho 500.000 đồng tiền công.

- Bùi Duy T khai:

Khoảng tháng 02/2018, qua quan hệ xã hội, T quen biết đối tượng người dân tộc tên là Và, khoảng 38 tuổi, nhà ở khu vực biên giới cửa khẩu Lóng Sập (M, S) giáp ranh giữa Việt Nam và Lào (không rõ địa chỉ cụ thể). Qua nói chuyện T biết Và thường xuyên mua bán ma túy với số lượng lớn. Khoảng ngày 23/6/2018, Th sử dụng số 0987.470.034 gọi vào số 01685.230.337 của T hỏi mua 01 kg ma túy “đá”, T đồng ý bán ma túy với giá là 300.000.000 đồng/ 01 kg và T cho số điện thoại của B (vợ T) để Th chuyển tiền qua dịch vụ của Viettel đặt cọc trước tiền mua ma túy là 45.000.000 đồng. T hẹn Th khi nào có ma túy sẽ báo lại cho Th.

Khoảng 0 giờ 15 phút ngày 02/7/2018, Nguyễn Đắc L, Đặng Văn T đến nhà T ở thị trấn Nông Trường, M, S và đưa T 390.000.000 đồng tiền đặt cọc để mua 03 bánh heroine. T bảo L, Th1 cứ về khi nào có ma túy sẽ báo lại.

Sau khi nhận tiền đặt cọc mua ma túy của Th và L, T gọi điện cho đối tượng Và để hỏi mua 03 bánh heroine và 01 kg ma túy “đá”. Và đồng ý bán với giá 300.000.000 đồng/kg ma túy “đá”; 165.000.000 đồng/bánh Heroine, khi Th và L nhận được ma túy sẽ trả đủ tiền cho T và T trả tiền cho Và, sẽ được Và trả tiền công là 10.000.000 đồng/ 03 bánh heroine và 10.000.000 đồng/kg ma túy “đá”. Ngày 05/7/2018, Và gọi điện cho T để hỏi số điện thoại của người nhận ma túy ở H, T cho Và số điện thoại của Th là 0987.470.034 và số điện thoại của L là 0986.243.460 để Và chuyển ma túy bằng đường xe khách cho Th và L. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Và gọi điện thông báo cho T là đã gửi ma túy trong 02 thùng cát tông, trên mỗi thùng ghi số điện thoại của Th và L, ghi người nhận là “Chị Thoa”. Khoảng 14 giờ, T gọi điện thông báo cho Th và L về việc gửi ma túy và cho số điện thoại của nhà xe để Th và L liên hệ nhận thùng hàng đựng ma túy. T khai chỉ mua bán ma túy với Th và L, không trao đổi mua bán ma túy với 2 vợ chồng đối tượng tên L – H.

- Chị Đinh Thị B khai: Chị là vợ của Bùi Duy T. Sáng ngày 27/6/2018, T nói với chị là nếu có ai gửi tiền theo số điện thoại của chị thì chị đi rút tiền mang về cho T. Đến trưa cùng ngày, chị Bình nhận được tin nhắn của Viettel gửi vào số điện thoại 01677.567.532 với nội dung “khách hàng Đặng Văn T gửi yêu cầu

chuyển 45.000.000 đồng cho số điện thoại 01677.567.532”. Sau đó T gửi cho chị Bình mã rút tiền. Chị B đã cầm theo điện thoại, mã rút tiền và sổ hộ khẩu đến một cửa hàng của Viettel gần nhà để rút 45.000.000 đồng rồi mang về đưa cho T. Chị Bình không biết nguồn gốc số tiền đó, không liên quan đến việc mua bán ma túy của Bùi Duy T.

- Kết quả điều tra đã thu giữ chi tiết các số điện thoại của các bị can xác định từ 05/6/2018 đến 05/7/2018 như sau:

+ Số 0986.243.460 của L liên lạc đến số 01685.230.337 của T 06 cuộc; số điện thoại 01657.661.075 của L liên lạc đến số 01685.230.337 của T 02 cuộc và liên lạc với số 01234.801.550 của T 07 cuộc. L liên lạc đến số 01669.473.430 của Th1 01 cuộc ngày 05/7/2018.

+ Số 0968.394.292 của Th1 liên lạc đến số 0986.243.460 của L 81 cuộc; số 01669.473.430 của Th1 liên lạc đến số 01657.661.075 của L 01 cuộc; liên lạc với số điện thoại 0825.585.990 của H 01 cuộc và số 0965.627.711 của Hương 02 cuộc.

+ Số 0987.470.034 của Th liên lạc đến số 01685.230.337 của T 06 cuộc; đến số điện thoại 01654.718.368 của M 03 cuộc từ ngày 01/7/2018 đến 05/7/2018.

+ Số điện thoại 01685.230.337 của T liên lạc đến số 0987.470.034 của Th 06 cuộc từ ngày 01/7/2018 đến 05/7/2018. T liên lạc đến số 0986.243.460 của L 06 cuộc; đến số 01657.661.075 của L 02 cuộc từ ngày 05/6/2018 đến 05/7/2018; số 01234.801.550 của T liên lạc đến 01657.661.075 của L tổng 18 cuộc gọi và 07 tin nhắn.

- Về chiếc xe ô tô Kia Morning, BKS: 29A – 36706 thu của Đặng Văn T, kết quả điều tra xác định: chủ sở hữu chiếc xe ô tô nói trên là công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch B, xe không có trong dữ liệu xe vật chứng, tháng 02/2018, Đặng Văn T là lái xe taxi và được công ty giao chiếc xe trên để lái xe vận chuyển khách. Trong quá trình chở khách, Th đã lợi dụng chiếc xe ô tô trên để làm phương tiện mua bán trái phép chất ma túy. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch B không biết và không liên quan đến việc Th sử dụng chiếc xe ô tô trên để mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 02/5/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố H đã trao trả chiếc xe ô tô trên cho đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch B là ông Phạm Quang H.

- Về chiếc xe ô tô Camry màu đen, BKS: 29T1 – 5366 thu của Bùi Duy T, quá trình điều tra xác định: Người đăng ký sở hữu chiếc xe trên là Phan Xuân K, sinh năm: 1956, trú tại: thôn Trung, X, quận N, H. Anh K khai năm 2017 đã bán chiếc xe ô tô trên cho anh Long (cháu họ của anh K), địa chỉ: thôn Bông Thượng, xã Đ, huyện K, tỉnh H với giá 200.000.000 đồng và bàn giao toàn bộ

giấy tờ mua bán xe cho anh Long giữ. Bùi Duy T khai khoảng tháng 4/2018, vợ chồng T mua chiếc xe ô tô trên của anh Long nhà ở H với giá 180.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Hiện chiếc xe ô tô Camry màu đen BKS: 29T1- 5366 đang bị Cơ quan điều tra tạm giữ.

- Về chiếc xe máy Honda Future màu trắng, đen, BKS: 33N4 – 0144 thu của Nguyễn Đắc L, quá trình điều tra xác định đăng ký chủ sở hữu là Hoàng Tiên C, địa chỉ: Trảng An, C, C, H. Anh C khai năm 2010 đã bán chiếc xe máy trên cho cháu gái là Hoàng Thị V, địa chỉ: thôn Trảng An, thị trấn C, C, H với 15.000.000 đồng nhưng không làm thủ tục sang tên đổi chủ chiếc xe trên. Chị V khai sau khi mua chiếc xe trên của anh C, tháng 11/2017, chị V bán xe cho anh Nguyễn Đắc L với giá 8.000.000 đồng. L khai nhận phù hợp với chị V về việc mua chiếc xe máy trên.

Căn cứ vào biên bản phạm tội quả tang đối với Đặng Văn T, Nguyễn Đắc L và Đặng Văn T; lời khai nhận tội của Th phù hợp với lời khai nhận tội của Bùi Duy T, lời khai nhận của L và Th1 phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của T về việc các bị can mua bán ma túy với nhau Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã xác định: Đặng Văn T đã mua bán trái phép với Bùi Duy T 886,660 gam Methamphetamine; Nguyễn Đắc L và Đặng Văn T đã mua bán trái phép với Bùi Duy T 1.082,040 gam Heroine; Bùi Duy T đã mua bán trái phép 886,660 gam Methamphetamine và 1.082,040 gam Heroine với Th, L và Th1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 368/2016/HSST ngày 16/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên bố các bị cáo Bùi Duy T, Nguyễn Đắc L, Đặng Văn T và Đặng Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Duy T; áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đắc L, Đặng Văn T và Đặng Văn T; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 40 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. áp dụng thêm Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Văn T;

- Xử phạt bị cáo **Bùi Duy T** hình phạt **Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đắc L** hình phạt **Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T** hình phạt **Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T** hình phạt **Tử hình**. Tổng hợp với hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2018/HSST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố H đã xử phạt bị cáo 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo Đặng Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/11/2019, các bị cáo Bùi Duy T và Nguyễn Đắc L kháng cáo; ngày 25/11/2019 bị cáo Đặng Văn T kháng cáo; ngày 26/11/2019 bị cáo Đặng Văn T kháng cáo; nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo đều cho rằng bị Tòa án cấp sơ thẩm phạt quá nặng, xin được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H tham gia phiên tòa, ý kiến tranh luận của các bị cáo và những người bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nghiên cứu hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, diễn biến phiên tòa sơ thẩm và đặc biệt nghiên cứu đơn kháng cáo của các bị cáo; thông qua xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá, nhận xét và nhận định về vụ án như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm đều phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng; biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Qua các mối quan hệ xã hội, Bùi Duy T quen và biết đối tượng tên là V và ở khu vực Cửa khẩu L, huyện M, tỉnh S là người bán ma túy số lượng lớn nên khi có khách hỏi mua ma túy, T sẽ đặt ma túy của V để bán kiếm lời. Ngày 23/6/2018, Đặng Văn T đặt mua của T 01 kg ma túy “đá” với giá 300.000.000 đồng/kg để bán cho đối tượng M ở Cao L, L với giá 310.000.000 đồng/kg, Th đặt trước cho T 45.000.000 đồng; ngày 02/7/2018, Nguyễn Đắc L và Đặng Văn T đặt mua của T 03 bánh Heroine với giá 165.000.000 đồng/bánh, trả trước cho T 390.000.000 đồng. Sau khi T chuyển tiền đặt mua ma túy cho đối tượng V, ngày 05/7/2018, V gửi 01 thùng cát tông đựng 1 kg ma túy “đá” bên ngoài ghi số điện thoại của Th và 01 thùng catton đựng 03 bánh heroine bên ngoài ghi số điện thoại của L và gửi xe khách từ S về H cho Th và L liên hệ với nhà xe để nhận hàng. Khi V nhận đủ tiền mua ma túy, T sẽ được trả công là 20.000.000 đồng cho 03 bánh Heroine và 01 kg ma túy “đá”.

Hồi 17 giờ 45 phút ngày 05/7/2018 tại bến xe khách S, số 35 Nguyễn Tuân, phường T, quận T, thành phố H, Đặng Văn T bị Phòng Cảnh sát điều tra tội

phạm về ma túy Công an thành phố H bắt quả tang khi đang nhận thùng catton đựng 886,660 gam Methamphetamine từ xe khách chạy tuyến S - H.

Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 05/7/2018, tại trước cây xăng Tiên Phương, Quốc lộ 6, huyện C, thành phố H, Nguyễn Đắc L và Đặng Văn T đã bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H bắt quả tang khi đang nhận thùng catton đựng 1.082,04 gam Heroine từ xe khách chạy tuyến S - H.

Như vậy, đủ căn cứ xác định Bùi Duy T đã mua bán trái phép 886,660 gam Methamphetamine và 1.082,040 gam Heroine; Nguyễn Đắc L và Đặng Văn T đã mua bán trái phép 1.082,040 gam Heroine; Đặng Văn T đã mua bán trái phép 886,660 gam Methamphetamine. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo đồng phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, theo đó đã xác định: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Đắc L có bố đẻ là người tham gia cách mạng, đã được tặng thưởng nhiều Huân Huy chương và Bằng khen; bị cáo Bùi Duy T cũng có ông bà nội tham gia cách mạng, đã được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương; gia đình bị cáo là gia đình thuộc hộ cận nghèo nên các bị cáo này được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuy rằng xác định các bị cáo có một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu ở trên, song do các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt Tử hình đối với tất cả các bị cáo trong vụ án là có căn cứ.

Đồng tình như quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H tham gia phiên tòa cho rằng, tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, các bị cáo đều không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới đáng kể, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt như đề nghị trong nội dung kháng cáo của các bị cáo.

Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo có kháng cáo nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; cụ thể như sau:

1. Tuyên bố các bị cáo **Bùi Duy T**, **Nguyễn Đắc L**, **Đặng Văn T** và **Đặng Văn T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Bùi Duy T**; áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Nguyễn Đắc L**, **Đặng Văn T** và **Đặng Văn T**; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 40 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. áp dụng thêm Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Đặng Văn T**.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Duy T** hình phạt **Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đắc L** hình phạt **Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T** hình phạt **Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T** hình phạt **Tử hình**. Tổng hợp với hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2018/HSST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố H đã xử phạt bị cáo 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo **Đặng Văn T** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên bản án phúc thẩm, các bị cáo **Bùi Duy T**, **Nguyễn Đắc L**, **Đặng Văn T** và **Đặng Văn T** được quyền làm đơn gửi lên Chủ tịch Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

4. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- Cơ quan CSĐT- Bộ Công an;
- VKSNDCC tại H;
- TAND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Trại giam của CA TP H;
- Các bị cáo (gửi qua trại giam);
- Lưu HS vụ án, Phòng HCTP/2b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc